TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/7/2019
V/v "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Minh Phong

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Minh Tân

2. Bà Trần Thị Phiến

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm-Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 19 tháng 7 năm 2019, tại Trụ sở tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 151/2019/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về "Tranh chấp xin ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 109/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1/. *Nguyên đơn*: Chị Khúc Thị Thảo L, sinh năm 1990; Địa chỉ: nhà số 148, tổ 8, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2/. *Bị đơn*: Anh Trần Thanh T, sinh năm 1985; Địa chỉ: ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Thảo L và anh T cùng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án chị Khúc Thị Thảo L trình bày: Chị L và anh T chung sống như vợ chồng vào năm 2008, chị L và anh T do quen biết nên tiến đến hôn nhân, có tổ chức cưới, nhưng không đăng ký kết hôn ngay do lúc đó anh T mất giấy tờ tùy thân. Thời gian đầu thì chị L và anh T chung sống hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, anh T hay nhậu về gây gỗ và đánh vợ dẫn đến gia đình không hạnh phúc và cũng kể từ tháng 01/2019 thì chị L và anh T sống ly thân cho đến nay. Nay chị L xác định là không còn tình cảm với anh T nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Khúc Thị Thảo V, sinh ngày 29/11/2009 và Khúc Minh Thức, sinh ngày 22/8/2012. Chị L yêu cầu được nuôi hai con chung Khúc Thị Thảo V và Khúc Minh T. Chị Thảo L trình bày không muốn chia rẽ tình cảm cha con giữa các con với anh T, tuy nhiên hiện tại chị buôn bán tạp hóa gần nhà và trường học các cháu rất thuận tiện việc nuôi dưỡng chăm sóc các cháu, còn anh T đang chung sống với mẹ ruột, công việc hàng ngày của anh T là thợ hồ, phải đi theo công trình không có mặt ở nhà. Về phía mẹ anh T vừa làm vườn vừa lại phải lo cho một người anh của anh T bị bệnh tâm thần, hiện đang điều trị ở bệnh viện, do đó anh T không thể đảm bảo được điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: chị Thảo L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trần Thanh T trình bày: Anh Trần Thanh T thống nhất theo lời trình bày của chị L về thời gian chung sống, thời gian kết hôn. Anh chị chung sống như vợ chồng vào năm 2008, có tổ chức cưới, nhưng không đăng ký kết hôn ngay do lúc đó anh T mất giấy tờ tùy thân. Vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến đầu năm 2019 thì chị L là người quen nói là vợ tôi có quan hệ bất chính với anh H.A là chồng của chị L nên tôi tức giận và có đánh vợ. Từ đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và cũng khoảng tháng 01 năm 2019 thì tôi và chị L sống ly thân cho đến

nay. Nay anh T cũng xác định là vẫn còn tình cảm với chị L nên anh T không đồng ý ly hôn với chị L.

- Về con chung: có 02 con chung tên Khúc Thị Thảo V, sinh ngày 29/11/2009 và Khúc Minh T2, sinh ngày 22/8/2012. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T xác định trường hợp Tòa án không công nhận anh chị là vợ chồng thì anh yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu Khúc Thị Thảo V và anh T đồng ý giao cháu Khúc Minh T2 cho chị L nuôi dưỡng. Tại phiên tòa anh T thay đổi yêu cầu, anh xác định có yêu cầu nuôi dưỡng một trong hai cháu V và T2. Anh T thừa nhận công việc chính của anh là thợ hồ và có phụ mẹ anh làm vườn, khi nào đi làm anh sẽ giao con cho mẹ anh chăm sóc. Đối với người anh bị tâm thần hiện đang điều trị ở bệnh viện thì mỗi tuần mẹ anh chỉ đến thăm một hoặc hai lần, sau này anh sẽ lựa chọn một công việc khác để có điều kiện chăm sóc con tốt hơn.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T không yêu cầu chị Thảo L cấp dưỡng nuôi con và anh T không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng dân sự: Chị Khúc Thị Thảo L có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết việc hôn nhân của chị và anh T. Theo quy định tại khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Bị đơn anh Trần Thanh T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Đồng Tháp nên việc Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố dân sự năm 2015.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chị Khúc Thị Thảo L và anh Trần Thanh T do quen biết nên tiến đến hôn nhân và tổ chức cưới vào năm 2008 nhưng không có đăng ký kết hôn là đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Lẽ ra trong quá trình

chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2008 đến 2019 thì chị Thảo L và anh T phải có nghĩa vụ đăng ký kết hôn để được pháp luật công nhận là vợ chồng hợp pháp, nhưng chị Thảo L và anh T đã không tuân thủ việc kết hôn theo quy định của pháp luật, nên quan hệ hôn nhân giữa chị Thảo L và anh T không có giá trị về mặt pháp lý, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng.

Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định*:*

"Điều 14. Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng...."

Quá trình chung sống thời gian đầu chung sống thì anh, chị chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên đến năm 2018 xuất phát từ việc anh T nghe người hàng xóm tên là L nói rằng chị Thảo L có quan hệ bất chính với anh H.A là chồng của chị L, từ đó anh T mất niềm tin với chị Thảo L và thường hay nhậu nhẹt say rượu về có hành vi đánh chị Thảo L dẫn đến hạnh phúc gia đình tan vỡ. Do anh chị thường phát sinh mâu thuẫn nên từ tháng 01/2019 anh chị đã ly thân cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Thảo L xác định là không còn tình cảm với anh T.

Xét yêu cầu của chị Thảo L, Hội đồng xét xử nhận thấy: chị Thảo L và anh T thường phát sinh mâu thuẩn và anh T có hành vi, lời lẽ xúc phạm, đánh đập chị Thảo L nên dẫn đến gia đình không hạnh phúc. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử có phân tích động viên chị Thảo L trở về đoàn tụ nhưng chị Thảo L không đồng ý và tha thiết yêu cầu đề nghị Tòa án không công nhận chị Thảo và anh Thanh là vợ chồng. Từ đó, cho thấy mâu thuẫn giữa chị Thảo L và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, hai bên đã ly thân, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị Thảo L đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thảo L và anh T là hoàn toàn chính đáng cần được chấp nhận.

Tại biên bản tự khai ngày 16/4/2019, anh Trần Thanh T cho rằng anh còn tình cảm với chị Thảo L nên anh T không đồng ý ly hôn với chị Thảo L. Hội đồng xét xử

nhận thấy: Hôn nhân bền vững phải dựa trên cơ sở tự nguyện, thương yêu, quý trọng giúp đỡ lẫn nhau nhưng ngược lại anh T chỉ căn cứ vào lời nói của người bên ngoài, từ đó mất niềm tin với chị Thảo L dẫn đến hay dùng lời lẽ xúc phạm, đánh đập chị Thảo L dẫn đến cuộc hôn nhân anh, chị không hạnh phúc và sống ly thân với nhau. Mặc khác trong suốt một thời gian sống ly thân nhưng anh T cũng không có cách nào để anh chị đoàn tụ. Nếu buộc chị Thảo L trở về chung sống với anh T thì cũng không tạo được một gia đình hạnh phúc, bền vững. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Thảo L và anh T là phù hợp.

3. Về con chung: Chị Thảo L và anh T đều thống nhất trong quá trình anh chị chung sống với nhau như vợ chồng thì anh chị có 02 con chung tên Khúc Thị Thảo V, sinh ngày 29/11/2009 và Khúc Minh T2, sinh ngày 22/8/2012. Hiện nay cả hai cháu V và T2 đang sống với chị Thảo L, nay chị Thảo L yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi hai con chung Khúc Thị Thảo V và Khúc Minh T2 và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy: từ khi sinh ra cháu V và cháu T2 đã chung sống với chị Thảo L và anh T cùng với gia đình chị Thảo L, đến khi chị Thảo L và anh T ly thân, anh T về nhà ba mẹ ruột sống thì việc nuôi dưỡng cháu V và cháu T2 là do chị Thảo L là người trực tiếp nuôi dưỡng, anh T xác nhận trong thời gian anh chị không chung sống thì chị Thảo L chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung tốt và anh cũng được thăm nom chăm sóc hai cháu không bị ai ngăn cản.

Tại phiên tòa, anh T thừa nhận công việc hiện nay của anh làm nghề thợ hồ, công việc không ổn định và không thường xuyên ở nhà để có điều kiện chăm sóc cho con, khi anh đi làm sẽ giao lại cho mẹ ruột của anh nuôi dưỡng và tương lai anh sẽ lựa chọn công việc khác để có điều kiện chăm sóc tốt hơn. Với điều kiện anh T đặt ra cho thấy, anh T chưa có điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu V và cháu T2. Hơn nữa theo ý kiến của cháu V và cháu T2 trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì các cháu có nguyện vọng được sống với mẹ là chị Thảo L. Do vậy, để ổn định cho việc chăm sóc, giáo dục nên giữ nguyên cho chị Thảo L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu V và cháu T2 đến khi trưởng thành hoặc

khi anh T có yêu cầu khác là có căn cứ để chấp nhận. Anh T được quyền đến thăm nom chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

4. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Thảo L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con và anh T cũng không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

5. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thảo L và anh T đều thống nhất không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

6. Về án phí sơ thẩm: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị Khúc Thị Thảo L là nguyên đơn nên phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Xử **:**

1/. *Về quan hệ hôn nhân*: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Khúc Thị Thảo L và anh Trần Thanh T.

2/. *Về con chung:* giao cháu Khúc Thị Thảo V, sinh ngày 29/11/2009 và cháu Khúc Minh T2, sinh ngày 22/8/2012 cho chị Thảo L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành hoặc khi anh T có yêu cầu khác. Anh T không cấp dưỡng nuôi con, anh T được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

3/. *Về tài sản chung và nợ chung:* anh chị xác định không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4/. *Về án phí*: Chị Khúc Thị Thảo L phải nộp 300.000đồng tiền án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số

0009978 ngày 16/4/2019 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành. Chị Thảo L đã nộp xong.

5/. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Chi cục Thi hành án dân sự h. Châu Thành;
- UBND xã An Khánh;
- UBND xã Tân Nhuận Đông;
- Lưu hồ sơ vụ án.(P)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Nguyễn Minh Phong